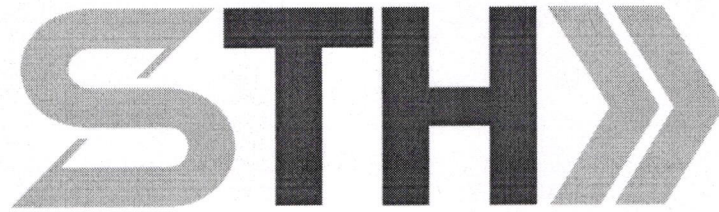


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN
Số 65 đường Hoàng Văn Thu - TP. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3/2023

THÁI NGUYÊN - 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3 Năm 2023

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 3	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.716.852.135	172.941.439.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.796.987.039	4.426.649.949
1. Tiền	111		3.796.987.039	4.426.649.949
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.005.551.297	6.794.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		17.008.886.269	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.003.334.972)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2		6.794.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.598.647.598	151.990.638.949
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.348.209.129	5.704.031.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	359.516.457	209.823.858
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.800.000.000	3.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	140.116.177.512	142.852.038.625
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(25.255.500)	(25.255.500)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		13.925.038.213	9.008.385.192
1. Hàng tồn kho	141	V.8	13.925.038.213	9.008.385.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		390.627.988	721.765.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	224.797.862	273.795.279
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.941.765	207.969.999
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	111.888.361	240.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.331.849.883	89.199.978.706
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		387.990.000	387.990.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	387.990.000	387.990.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		13.157.527.661	10.503.360.351

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 3	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.533.063.754	10.204.522.852
- Nguyên giá	222		21.977.947.381	18.713.967.751
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.444.883.627)	(8.509.444.899)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	624.463.907	298.837.499
- Nguyên giá	228		832.250.000	474.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(207.786.093)	(175.662.501)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.632.317.123	8.067.796.753
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	3.429.258.923	3.819.758.923
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	203.058.200	4.248.037.830
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	20.020.700.000	67.032.464.872
1. Đầu tư vào công ty con	251			51.425.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.020.700.000	20.020.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			(4.413.235.128)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.133.315.099	3.208.366.730
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.133.315.099	3.208.366.730
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		217.048.702.018	262.141.418.074
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.033.004.778	66.023.803.494
I. Nợ ngắn hạn	310		12.951.519.699	27.663.018.415
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.882.771.938	21.736.088.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	111.693.000	80.469.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	37.611.555	
4. Phải trả người lao động	314		347.334.000	385.413.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.379.520.000	215.550.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	22.927.026	389.090.906
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	805.080.415	234.810.719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	6.288.229.265	4.545.243.136
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	76.352.500	76.352.500

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 3	Số đầu năm
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		5.081.485.079	38.360.785.079
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	65.500.000	65.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	5.015.985.079	38.295.285.079
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.015.697.240	196.117.614.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	199.015.697.240	196.117.614.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.316.549.765	418.467.105
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		418.467.105	4.118.293.370
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.898.082.660	(3.699.826.265)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		217.048.702.018	262.141.418.074

Lập, Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

P. Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.070.239.731	9.551.049.573	18.818.327.194	20.978.565.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-			
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.070.239.731	9.551.049.573	18.818.327.194	20.978.565.595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.627.438.920	6.256.947.748	11.755.444.330	13.900.283.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.442.800.811	3.294.101.825	7.062.882.864	7.078.281.746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	76.124.931	130.029.849	5.105.174.802	1.005.042.545
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	848.470.155	49.231.176	395.751.169	371.057.086
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		92.141.951	49.231.176	395.751.169	371.057.086
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	737.856.838	1.090.471.338	3.665.703.430	2.390.247.943
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.103.075.668	1.526.671.725	4.735.414.364	4.182.447.996
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(1.170.476.919)	757.757.435	3.371.188.703	1.139.571.266
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.999.360	30.000	349.366.689	26.919.239
12. Chi phí khác	32	VI.9	(61.643.369)		694.361.093	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		64.642.729	30.000	(344.994.404)	26.919.239
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.105.834.190)	757.787.435	3.026.194.299	1.166.490.505
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	151.557.487	128.111.639	233.298.101
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.105.834.190)	606.229.948	2.898.082.660	933.192.404

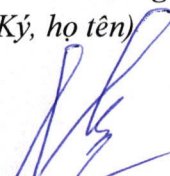
Lập, Ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

Phó tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Thị Mai Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư lũy kế đến quý 3	
			Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15.626.633.011	16.181.014.278
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14.192.990.782)	(19.169.105.793)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.372.896.178)	(2.822.778.829)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(305.068.859)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		57.111.212.369	105.627.862.834
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(67.599.760.010)	(66.403.213.499)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.427.801.590)	33.108.710.132
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(35.000.000)	62.723.200
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		(390.132.014)	23.943.241
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.800.000.000)	(3.450.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.044.000.000	20.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(51.425.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		669.365	370.015.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.819.537.351	(34.018.318.503)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		12.427.776.652	10.328.236.528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.449.175.323)	(11.076.829.299)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.978.601.329	(748.592.771)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(629.662.910)	(1.658.201.142)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.426.649.949	6.998.617.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3.796.987.039	5.340.416.313

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phùng Thị Hà

Phó tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lã Thị Mai Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2023 cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09 tháng 6 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 là 195.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 65, tổ 2, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ tài chính bao gồm:

- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê mặt bằng./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC quý 3 năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm quý 3 năm 2022.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 47 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 52 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Tiền mặt	2.017.289.556	3.489.407.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.779.697.483	937.242.070
Cộng	3.769.987.039	4.426.649.949

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu kinh doanh						
BCA – Cty Cổ phần BCH	719.198	3.857.660.270	(476.682.246)	-	-	-
DHM – Cty CP TM và khai thác khoáng sản						
Dương Hiếu	1.502.400	13.151.225.998	(1.526.652.726)			
Cộng	2.221.598	17.008.886.268	(2.003.334.972)			

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng				
TMCP Quân Đội			6.794.000.000	6.794.000.000
Cộng			6.794.000.000	6.794.000.000

4. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.470.312.026	4.316.260.586
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	1.421.633.746	4.273.605.586
Công ty CP Cao Dương Phát	48.678.280	42.655.000
Phải thu các khách hàng khác	877.897.103	1.387.771.380
Bệnh viện Gang Thép	255.648.598	202.651.598
Công ty Cổ Phần May Thành Hưng	24.930.329	16.036.504
Các khách hàng khác	597.318.176	1.169.083.278
Cộng	2.348.209.129	5.704.031.966

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	112.010.000	112.010.000
Công ty Cổ phần Cao Dương Phát	112.010.000	112.010.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	247.506.457	97.813.858
Công ty CP HASE Việt Nam	34.580.000	-
Cty TNHH Thương mại và dịch vụ văn hóa Đình Tị		37.765.149
Các nhà cung cấp khác	212.926.457	60.048.709
Cộng	359.516.457	209.823.858

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Cho bà Nguyễn Xuân Quỳnh vay với lãi suất 7,5%/năm		600.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hương vay với lãi suất 7,5%/năm	-	700.000.000
Cho bà Phạm Thị Hồng Hạnh vay với lãi suất 7,5%/năm		750.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Xuyên vay với lãi suất 7,5%/năm		550.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hồng Mỹ vay với lãi suất 7,5%/năm		650.000.000
Cho bà Lương Thị Văn vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
Cho bà Dương Thị Liên vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
Cho bà Ng. Thị Phương Thảo vay với lãi suất 7%/năm	600.000.000	-
Cộng	1.800.000.000	3.250.000.000

7. Các khoản phải thu khác**a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	139.880.821.000	-	140.906.350.000	-
Cty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*)	135.400.000.000	-	135.400.000.000	-
Bà Lê Thị Mai Liên - Tạm ứng		-	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng	4.480.821.000	-	5.206.350.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	235.356.512	-	1.945.688.625	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	73.873.971	-	331.866.562	-
Tạm ứng	152.458.000	-	1.607.958.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.024.541	-	5.864.063	-
Cộng	140.116.177.512	-	142.852.038.625	-

(*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/STH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên và Biên bản thỏa thuận số 2606/BBTT.2022/TH-STH ngày 26 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua phương án dự kiến thu hồi vốn đầu tư tại dự án trên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thu hồi số tiền đầu tư là 45.000.000.000 VND

b, Dài hạn

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	387.990.000	-	387.990.000	-
Công ty Cổ phần Cao Dương Phát – tiền đặt cọc thuê văn phòng	387.990.000	-	387.990.000	-
Cộng	387.990.000	-	387.990.000	-

8. Nợ xấu

	Số cuối quý 3			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP May Xuất khẩu SiL - Han	<i>Không có khả năng thu hồi</i>	25.255.500	25.255.500	<i>Không có khả năng thu hồi</i>	25.255.500	25.255.500
Cộng		25.255.500	25.255.500		25.255.500	25.255.500

9. Hàng tồn kho

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.925.038.213	-	9.008.385.192	-
Cộng	13.925.038.213	-	9.008.385.192	-

10. Chi phí trả trước**a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm		4.680.000
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	122.727.272	257.318.204
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	102.070.590	11.797.075
Cộng	224.797.862	273.795.279

b, Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.893.130.410	2.614.436.443
Chi phí sửa chữa	240.184.689	593.930.287
Cộng	2.133.315.099	3.208.366.730

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.054.522.371	259.037.400	2.400.407.980	18.713.967.751
Tăng trong năm	4.079.979.630	-	-	4.079.979.630
Giảm trong năm do thanh lý	-	-	(816.000.000)	(816.000.000)
Số cuối quý 3	20.134.502.001	259.037.400	1.584.407.980	21.977.947.381
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	662.451.960	179.970.582	979.802.333	1.822.224.875
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.287.881.244	188.135.393	1.033.428.262	8.509.444.899
Khấu hao trong năm	833.381.541	19.766.709	220.659.829	1.073.808.079
Giảm do thanh lý	-	-	(138.369.351)	(138.369.351)
Số cuối quý 3	8.121.262.785	207.902.102	1.115.718.740	9.444.883.627
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.766.641.127	70.902.007	1.366.979.718	10.204.522.852
Số cuối quý 3	12.013.239.216	51.135.298	468.689.240	12.533.063.754

Tài sản cố định là “nhà làm việc và bán hàng” của Công ty có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.380.906.239 VND và 4.185.729.287 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.

12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	474.500.000	(175.662.501)	298.837.499
Tăng trong năm	357.750.000	-	357.750.000
Khấu hao trong năm	-	(32.123.592)	(32.123.592)
Số cuối quý 2	832.250.000	(207.786.093)	624.463.907

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.429.258.923	-	3.819.758.923	-
Cộng	3.429.258.923	-	3.819.758.923	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý 3</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong quý 3</u>	<u>Số cuối quý 3</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	4.248.037.830	-	(4.079.979.630)	203.058.200
<i>Xây dựng cơ bản dở dang HS Phú Lương</i>	3.733.463.889	-	(3.733.463.889)	-
<i>XDCB Tòa nhà Thái Hưng COMPLEX TOWER</i>	168.058.200	35.000.000	-	203.058.200
<i>Xây dựng, sửa chữa hiệu sách Võ Nhại</i>	346.515.741	-	(346.515.741)	-
Cộng	4.248.037.830	35.000.000	(4.079.979.630)	203.058.200

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý 3</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con			51.425.000.000	(4.413.235.129)
Cy Cổ phần Cao Dương Phát (*)			51.425.000.000	(4.413.235.129)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.020.700.000		20.020.700.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (**)	20.020.700.000	-	20.020.700.000	-
Cộng	20.020.700.000		71.445.700.000	(4.413.235.129)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 3</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả các bên liên quan			20.020.700.000	20.020.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng			20.020.700.000	20.020.700.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.882.771.938	3.882.771.938	1.715.388.343	1.715.388.343
Cty TNHH Thương mại Sao Nam	246.676.277	246.676.277		
Cty TNHH Xây dựng Hà Phong			382.701.000	382.701.000
Công ty TNHH Thái Minh Thành	226.245.175	226.245.175		
Các nhà cung cấp khác	3.409.850.486	3.409.850.486	1.332.687.343	1.332.687.343
Cộng	3.882.771.938	3.882.771.938	21.736.088.343	21.736.088.343

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối quý 3</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL	103.173.000	38.388.000
CTY TNHH BEST EXPRESS (VIỆT NAM)	-	28.502.465
CN Thái Nguyên - Công ty CP dịch vụ tổng hợp WINCOMMERCE	-	13.148.336
Công ty bảo hiểm BSH Thái Nguyên	-	431.000
Các khách lẻ khác	8.520.000	-
Cộng	111.693.000	80.469.801

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối quý 3	
	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa
Thuế TNDN	-	240.000.000	128.111.639	-		111.888.361
Thuế GTGT						
Tiền thuê đất			140.562.000	102.950.445	37.611.555	
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	
Cộng	-	240.000.000	272.673.639	106.950.445	37.611.555	111.888.361

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Cao Dương Phát (Công ty con) về tiền thuê văn phòng.

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	22.927.026	290.909.091
Công ty TNHH Thời trang quốc tế SAVANI		290.909.091
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	22.927.026	
Các khách hàng khác		98.181.815
Cộng	22.927.026	389.090.906

21. Các khoản phải trả khác**a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	199.680.000	199.680.000
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	199.680.000	199.680.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	605.400.415	35.130.719
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	605.400.415	35.130.719
Cộng	805.080.415	234.810.719

b, Dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính****a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1)	6.288.229.265	6.288.229.265	4.545.243.136	4.545.243.136
Cộng	6.288.229.265	6.288.229.265	4.545.243.136	4.545.243.136

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021 được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 04/PLHDCV-VN120003476-002 ngày 26 tháng 06 năm 2023, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25 tháng 06 năm 2024. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã	Số cuối quý 3
		sinh trong quý 3	trả trong quý	
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.545.243.136	9.627.776.652	(7.884.790.523)	6.288.229.265
Cộng	4.545.243.136	9.627.776.652	(7.884.790.523)	6.288.229.265

b, Dài hạn

	Số cuối quý 3		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	5.015.985.079	5.015.985.079	38.295.285.079	38.295.285.079
Cty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng	5.015.985.079	5.015.985.079	38.295.285.079	38.295.285.079
Cộng	5.015.985.079	5.015.985.079	38.295.285.079	38.295.285.079

Là các khoản vay với Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng tổng. Mục đích dùng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của công ty

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã	Số cuối quý 3
		sinh trong quý 3	trả trong quý 3	
Cty Cphần Thương Mại Thái Hưng	38.295.285.079	2.800.000.000	(36.079.300.000)	5.015.985.079
Cộng	38.295.285.079	2.800.000.000	(36.079.300.000)	5.015.985.079

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối quý 3	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
Cộng	76.352.500	76.352.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	4.118.293.370	199.817.440.845
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(3.699.826.265)	(3.699.826.265)
Số dư cuối năm trước	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	418.467.105	196.117.614.580
Số dư đầu năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	418.467.105	196.117.614.580
Lợi nhuận trong quý 3	-	-	-	-	2.898.082.660	2.898.082.660
Số dư cuối năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	3.316.549.765	199.015.697.240

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy	26.216.200.000	13,44%	26.216.200.000	13,44%
Bà Bạch Phương Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,00%	89.687.600.000	46,00%
Cộng	195.000.000.000	100,00%	195.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.034.621.606	13.880.245.128
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.783.705.588	7.098.320.467
Cộng	<u>18.818.327.194</u>	<u>20.978.565.595</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại		
Cộng		

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.896.371.311	10.659.159.233
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	859.073.019	3.241.124.616
Cộng	<u>11.755.444.330</u>	<u>13.900.283.849</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	430.174.802	1.005.042.245
Lãi chuyển nhượng công ty con	4.675.000.000	
Cộng	<u>5.105.174.802</u>	<u>1.005.042.245</u>

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	395.751.169	371.057.086
Cộng	<u>395.751.169</u>	<u>371.057.086</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.777.101.539	1.768.460.132
Chi phí vật liệu, bao bì	2.624.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	240.432.840	118.998.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.150.552	181.052.260
Các chi phí khác	495.394.499	321.737.308
Cộng	3.665.703.430	2.390.247.943

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.187.534.088	861.826.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	865.498.831	622.719.723
Thuế, phí và lệ phí	309.442.327	273.851.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.805.246	40.979.718
Các chi phí khác	2.358.133.872	2.383.071.390
Cộng	4.735.414.364	4.182.447.996

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản thu nhập khác	349.366.689	26.919.239
Cộng	349.366.689	26.919.239

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	694.361.093	
Cộng	694.361.093	

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.026.194.299	1.166.490.505
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.675.972	
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.675.972	
Phạt chậm nộp thuế, BHXH	8.675.972	
Thu nhập chịu thuế	3.034.870.271	
Lỗi các năm trước được chuyển	(2.394.312.075)	
Thu nhập tính thuế	640.558.196	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	128.111.639	233.298.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	128.111.639	233.298.101

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng



Phùng Thị Hà

Phó tổng Giám đốc



Lã Thị Mai Liên